

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2026/DS-ST.

Ngày: 02/07/2026

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Chí Tâm

Bà Lê Thị Thúy Kiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Phát, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2026/TLST-DS ngày 04 tháng 05 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 249/2026/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 05 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Dương Hoàng A**, sinh ngày 01/01/1985. (Có mặt)

Số căn cước công dân 094085005667

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

Số điện thoại: 0976.292.249.

- Bị đơn:

1. Ông **Hứa Thanh P**, sinh ngày 01/01/1969. (Vắng mặt)

Số căn cước công dân 094069009094

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

2. Bà **Lê Thị T**, sinh ngày 01/01/1972. (Vắng mặt)

Số căn cước công dân 094172009075

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 18/03/2026, quá trình tố tụng, tại phiên tòa nguyên đơn ông Dương Hoàng A trình bày:

Vào ngày 20/02/2024 âm lịch thì vợ chồng ông Hứa Thanh P và bà Lê Thị T có liên hệ với ông để mua lúa, vợ chồng ông bán cho vợ chồng ông P1 số lượng lúa là 3.743 ký lúa ST24, giá một ký 8.500đồng, tổng số tiền lúa là 31.815.000 đồng. Vợ chồng ông P hứa với ông là vài ngày nữa sẽ trả tiền cho ông, việc mua bán là chỗ hàng xóm nên không có làm giấy tờ. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng ông P vẫn không trả tiền cho ông nên ông có liên hệ vợ chồng ông P để đòi lại tiền, nhưng vợ chồng ông P cứ hẹn nhiều lần. Sau đó ông có làm đơn gửi Tổ hòa giải ấp T để nhờ hòa giải giữa ông và ông P thì ông P thừa nhận còn nợ tiền mua lúa của ông và hứa trả dần số tiền cho ông nên hòa giải thành. Tuy nhiên, sau đó ông P không thực hiện lời hứa mà chỉ trả tiền cho ông được 14.000.000 đồng thì ngưng trả đến nay, còn nợ lại ông số tiền 17.815.000 đồng.

Ông Dương Hoàng A yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Hứa Thanh P và bà Lê Thị T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Dương Hoàng A số tiền còn nợ là: 17.815.000 đồng (Mười bảy triệu, tám trăm mười lăm nghìn đồng), trả một lần.

2/ Tại biên bản hòa giải lập ngày 25/05/2026, bị đơn ông Hứa Thanh P đã trình bày:

Ông thống nhất còn nợ ông Dương Hoàng A số tiền mua lúa còn thiếu là 17.815.000 đồng (Mười bảy triệu, tám trăm mười lăm nghìn đồng), hiện nay do điều kiện hoàn cảnh kinh tế gặp khó khăn, đi làm thuê kiếm tiền trả nợ nên xin trả dần số nợ cho ông Hoàng A một tháng 1.000.000 đồng; còn không được xin trả dần 06 tháng trả 9.000.000 đồng; sáu tháng nữa trả hết số tiền còn lại. Còn trả ngay như yêu cầu của ông Hoàng A thì ông không có khả năng để trả.

Đúng là thời điểm năm 2024 ông có mua lúa của ông Dương Hoàng A, nợ số tiền lúa đến 31.815.000 đồng, nhưng sau đó do ông làm ăn thất bại nên mới thiếu tiền lúa của ông Hoàng A lại, khi tổ hòa giải ấp T hòa giải thì ông có hứa hẹn trả ông Hoàng A nhưng cũng không thực hiện đầy đủ chỉ trả được số tiền 14.000.000 đồng, đến nay còn nợ lại ông Hoàng A số tiền 17.815.000 đồng (Mười bảy triệu, tám trăm mười lăm nghìn đồng). Đúng là ông mua lúa nhằm có lời để phát triển kinh tế gia đình nhưng bị thua lỗ. Vợ ông bà Lê Thị T hiện nay không có làm gì ra tiền, đi phụ bán thuê cho hàng xóm một ngày chỉ 30.000 đồng nên ông xin tự chịu trách nhiệm trả số tiền này cho ông Hoàng A.

3/ Bị đơn bà Lê Thị T trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 26/5/2026 như sau:

Bà là vợ của ông Hứa Thanh P, bà có biết ông Dương Hoàng A do có qua lại làm ăn với vợ chồng bà. Bà không đồng ý trả nợ cho ông Dương Hoàng A vì đây là sự việc mua bán riêng giữa chồng bà và ông Hoàng A, bà không biết sự việc này, thực tế trước đây thì vợ chồng bà có mua lúa để kinh doanh mua bán với ông Hoàng A nhưng từ năm 2023 thì bà không còn cùng chồng bà mua bán

lúa nữa, mà do chồng bà tự kinh doanh mua bán và sự việc mua bán với ông Hoàng A thì bà cũng không biết. Đến khoảng tháng 8, tháng 9 năm 2024 thì ông Hoàng A lại đòi tiền lúa thì bà mới biết. Từ năm 2023 đến nay thì bà và chồng bà mâu thuẫn vì kinh doanh mua bán lúa thua lỗ nên bà không muốn tiếp tục làm nữa, còn ông P cứ đòi làm nên xảy ra cự cãi, tự ai làm thì tự chi xài, bà không đồng ý cùng ông P trả nợ này cho ông Hoàng A. Hiện nay bà đi làm thuê tự nuôi sống bản thân, thu nhập hàng ngày 60.000 đồng.

4/ Kiểm sát viên thuộc Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục, đúng thời hạn chuẩn bị xét xử của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn có mặt đã chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định triệu tập của Bộ luật tố tụng dân sự. Còn các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do là chưa chấp hành đúng quy định triệu tập của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Hoàng A đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Hứa Thanh P và bà Lê Thị T cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông Dương Hoàng A số tiền mua lúa còn nợ là 17.815.000 đồng (Mười bảy triệu, tám trăm mười lăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn ông Dương Hoàng A khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Hứa Thanh P và bà Lê Thị T địa chỉ cư trú tại ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ trả lại số tiền mua lúa còn nợ. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ theo qui định tại các khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Vắng mặt đương sự: Các bị đơn ông Hứa Thanh P và bà Lê Thị T đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông P và bà T.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng A yêu cầu Hứa Thanh P và bà Lê Thị T cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền mua lúa còn nợ là 17.815.000 đồng, trả một lần. Bị đơn ông P thống nhất còn nợ tiền mua lúa của ông Hoàng A là 17.815.000 đồng nhưng ông xin trả dần vì không

có khả năng trả một lần, với lại vợ ông bà T hiện nay không làm gì ra tiền nên ông xin tự chịu trách nhiệm một mình trả nợ cho ông Hoàng A; còn bị đơn bà T thì không đồng ý cùng ông P liên đới trả nợ cho ông Hoàng A vì bà không có biết việc mua bán giữa ông P và ông Hoàng A, với không có liên quan đến bà. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Tại biên bản hòa giải ngày 25/5/2026 nguyên đơn ông Hoàng A và bị đơn ông P đã thống nhất ông P còn nợ ông Hoàng A số tiền mua lúa là 17.815.000 đồng (Mười bảy triệu, tám trăm mười lăm nghìn đồng), đây là tình tiết sự kiện được các đương sự thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Mua bán lúa năm 2024 hứa hẹn chỉ vài ngày sau trả tiền; đến ngày 29/08/2024 thì ông Hoàng A và ông P đã thỏa thuận trả cho ông P nhiều lần, đến lần cuối cùng trả hết nợ cho ông Hoàng A là trước tết năm 2024 nhưng đến nay ông P chỉ trả được cho ông Hoàng A số tiền 14.000.000 đồng thì ngưng, không trả tiền cho ông Hoàng A nữa đã vi phạm nghĩa vụ của bên mua. Cho nên ông Hoàng A khởi kiện yêu cầu ông P trả số tiền 17.815.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu bà Lê Thị T có trách nhiệm liên đới cùng ông Hứa Thanh P trả nợ tiền mua bán 17.815.000 đồng cho ông Dương Hoàng A: Bị đơn bà T cho rằng việc mua bán lúa giữa ông Hoàng A và ông P bà không biết, bà không có liên quan đến do bà và ông P đã từ năm 2023 sống độc lập, tự làm tự nuôi sống bản thân. Bị đơn ông Hứa Thanh P thì cho rằng việc mua bán lúa cũng nhằm mục đích kiếm lợi, phục vụ sinh hoạt trong gia đình. Nhận thấy, giữa ông Hứa Thanh P và bà Lê Thị T mới đăng ký kết hôn năm 2024 nên việc bà T cho rằng từ năm 2023 giữa bà và ông P không còn quan tâm nhau là không phù hợp. Ông P mua lúa của ông Hoàng A để mua bán, cũng nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình nên căn cứ vào Điều 27 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử buộc bà Lê Thị T cùng có trách nhiệm liên đới với ông Hứa Thanh P trả số tiền nợ mua lúa cho ông Dương Hoàng A là 17.815.000 đồng.

[3.3] Xét yêu cầu trả dân của bị đơn ông Hứa Thanh P nhưng tại phiên tòa nguyên đơn ông Dương Hoàng A không đồng ý nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng A được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn ông Hoàng A không phải chịu án phí và nguyên đơn ông Hoàng A được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 445.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008362 ngày 04/05/2026 của cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Còn bị đơn ông P và bà T cùng có trách nhiệm liên đới phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, số tiền án phí phải chịu 890.750 đồng.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 92, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Áp dụng các điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 27, 37 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Hoàng A về việc yêu cầu bị đơn ông Hứa Thanh P và bà Lê Thị T trả số tiền nợ mua bán.

2/ Buộc ông Hứa Thanh P và bà Lê Thị T cùng có trách nhiệm liên đới phải trả cho ông Dương Hoàng A số tiền mua lúa còn nợ là 17.815.000 đồng (Mười bảy triệu, tám trăm mười lăm nghìn đồng).

3/ Về lãi chậm trả: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Dương Hoàng A không phải chịu án phí. Ông Dương Hoàng A được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 445.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008362 ngày 04/05/2026 của cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

+ Bị đơn ông Hứa Thanh P và bà Lê Thị T phải chịu án phí số tiền 890.750 đồng (T1 trăm chín chục nghìn, bảy trăm năm chục đồng).

5/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Vàng